

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28.635
	Giờ: Ngày 15 tháng 8 năm 13

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690		ngày 23 tháng 9 năm 2004
4103002690	điều chỉnh lần 1	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 2	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 3	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 4	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 5	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462	điều chỉnh lần 6	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462	điều chỉnh lần 7	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 8	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 9	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 10	ngày 5 tháng 7 năm 2012
0300405462	điều chỉnh lần 11	ngày 6 tháng 2 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Trịnh Anh Tuấn
Trần Thanh Văn
Phạm Kiều Diễm
Ngô Đình Luyện
Cao Trọng Miên

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Tạ Duy Linh
Vũ Nhất Tâm
Võ Thị Cẩm Hồng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Thanh Văn
Nguyễn Bảo Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam áp dụng cho công việc soát xét giữa niên độ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; và do đó, công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-265



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		846.286.739.565	726.305.501.405
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	164.334.195.794	83.908.244.156
Tiền	111		69.334.195.794	30.908.244.156
Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	53.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	58.000.000.000	45.000.000.000
Các khoản phải thu	130		154.725.417.568	160.191.715.202
Phải thu khách hàng	131		140.988.619.230	152.242.553.154
Trả trước cho người bán	132		11.464.607.287	6.285.304.400
Phải thu khác	135	7	4.738.488.342	3.544.734.584
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.466.297.291)	(1.880.876.936)
Hàng tồn kho	140	8	448.834.947.922	420.173.730.956
Hàng tồn kho	141		449.302.099.101	420.640.882.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(467.151.179)	(467.151.179)
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.392.178.281	17.031.811.091
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.671.281.413	2.971.557.729
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.289.270.058	12.052.252.707
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.431.626.810	2.008.000.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		408.760.393.713	418.029.331.396
Tài sản cố định	220		401.579.820.168	410.119.090.570
Tài sản cố định hữu hình	221	9	349.816.721.896	368.644.916.086
Nguyên giá	222		637.984.898.914	629.676.841.492
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.168.177.018)	(261.031.925.406)
Tài sản cố định vô hình	227	10	30.426.009.348	29.084.964.173
Nguyên giá	228		52.348.950.060	50.376.360.314
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.922.940.712)	(21.291.396.141)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	21.337.088.924	12.389.210.311
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	258		-	294.020.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.180.573.545	7.616.220.826
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.436.509.868	4.872.157.149
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.553.663.677	2.553.663.677
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.255.047.133.278	1.144.334.832.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		708.016.589.606	614.115.963.149
Nợ ngắn hạn	310		707.493.589.606	613.592.963.149
Vay ngắn hạn	311	15	244.886.378.284	292.690.478.278
Phải trả người bán	312		341.167.194.729	176.336.835.389
Người mua trả tiền trước	313		1.022.286.065	592.842.014
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	7.265.485.923	10.036.248.896
Phải trả người lao động	315		61.468.782.469	69.604.090.741
Chi phí phải trả	316	17	27.464.541.918	27.403.760.573
Phải trả khác	319	18	10.562.945.689	22.121.616.595
Dự phòng bảo hành	320	19	8.789.875.753	8.181.035.629
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.866.098.776	6.626.055.034
Nợ dài hạn	330		523.000.000	523.000.000
Phải trả dài hạn khác	333		523.000.000	523.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		547.030.543.672	530.218.869.652
Vốn chủ sở hữu	410	20	547.030.543.672	530.218.869.652
Vốn cổ phần	411	21	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	21	(14.419.110.657)	(14.367.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	80.384.982.904	80.384.982.904
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	26.987.843.000	26.987.843.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		121.903.309.670	105.039.635.650
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.255.047.133.278	1.144.334.832.801

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ – USD	389.594	232.564

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	23	879.895.274.462	820.627.915.940
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		37.827.154	107.340.200
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		879.857.447.308	820.520.575.740
Giá vốn hàng bán	11		713.715.834.442	653.212.297.506
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		166.141.612.866	167.308.278.234
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.614.261.714	3.733.646.422
Chi phí tài chính	22	25	13.712.911.820	17.823.754.447
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.763.617.048	14.609.827.682
Chi phí bán hàng	24		100.168.211.198	103.095.553.874
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.680.190.813	15.482.317.972
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		40.194.560.749	34.640.298.363
Thu nhập khác	31	26	310.528.292	340.173.305
Chi phí khác	32		8.647.007	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		301.881.285	340.173.305
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.496.442.034	34.980.471.668
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.320.252.514	9.010.400.932
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	-	(1.111.192.897)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.176.189.520	27.081.263.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.133	1.017

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		40.496.442.034	34.980.471.668
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		27.785.071.688	23.617.069.708
Các khoản dự phòng	03		1.194.260.479	(265.238.945)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.697.629.621	(829.916.091)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		4.169.950	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.822.964.682)	(1.622.124.595)
Chi phí lãi vay	06		7.763.617.048	14.609.827.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		74.118.226.138	70.490.089.427
Biến động các khoản phải thu	09		3.280.836.801	1.015.322.054
Biến động hàng tồn kho	10		(28.661.216.966)	97.229.999.874
Biến động các khoản phải trả	11		152.595.153.371	17.881.390.359
Biến động chi phí trả trước	12		735.923.597	-
			202.068.922.941	186.616.801.714
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.617.123.212)	(15.078.961.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(12.184.072.939)	(7.919.929.106)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(1.892.117.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		182.267.726.790	161.725.794.295
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(19.249.971.236)	(23.021.604.866)
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	25		(12.705.980.000)	(75.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.916.770.238	356.985.732
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(29.039.180.998)	(97.664.619.134)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	31		(52.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		448.023.689.073	527.414.139.975
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(496.493.068.279)	(565.772.994.452)
Tiền chi thanh toán khoản phải trả dài hạn khác	35		-	(396.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(25.014.486.760)	(29.034.086.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(73.535.865.966)	(67.788.940.712)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		79.692.679.826	(3.727.765.551)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		83.908.244.156	51.468.872.190
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		733.271.812	(252.729.447)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	164.334.195.794	47.488.377.192

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:


Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 1.175 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.149 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và cấu trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ Dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm
▪ Khác	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ phát sinh liên quan đến việc phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	1/1/2013 to 30/6/2013 VND	1/1/2012 to 30/6/2012 VND	1/1/2013 to 30/6/2013 VND	1/1/2012 to 30/6/2012 VND	1/1/2013 to 30/6/2013 VND	1/1/2012 to 30/6/2012 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	708.887.339.692	642.891.933.945	170.970.107.616	177.628.641.795	879.857.447.308	820.520.575.740
Tài sản của bộ phận	1.255.047.133.278	1.138.322.957.675	-	-	1.255.047.133.278	1.138.322.957.675
Chi tiêu vốn	19.249.971.236	23.021.604.866	-	-	19.249.971.236	23.021.604.866

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	883.532.414	992.245.694
Tiền gửi ngân hàng	68.450.663.380	29.915.998.462
Các khoản tương đương tiền	95.000.000.000	53.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	164.334.195.794	83.908.244.156
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 7% đến 12%.

7. Phải thu khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	4.718.694.444	2.812.500.000
Tài sản chờ thanh lý	-	468.209.325
Phải thu khác	19.793.898	264.025.259
	<hr/>	<hr/>
	4.738.488.342	3.544.734.584
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	185.616.639.057	187.223.919.316
Thành phẩm	118.157.826.816	96.185.552.135
Hàng mua đang đi trên đường	57.563.964.199	71.660.196.599
Sản phẩm dở dang	87.788.621.743	65.266.684.792
Hàng hóa	175.047.286	304.529.293
	<hr/>	<hr/>
	449.302.099.101	420.640.882.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(467.151.179)	(467.151.179)
	<hr/>	<hr/>
	448.834.947.922	420.173.730.956

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	467.151.179	158.045.655
Tăng dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(158.045.655)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	467.151.179	-

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	130.768.213.090	472.838.391.984	16.832.544.312	7.938.186.806	1.299.505.300	629.676.841.492
Tăng trong kỳ	-	178.000.000	714.970.909	274.090.909	-	1.167.061.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.846.852.162	453.754.000	-	-	7.300.606.162
Xóa sổ	-	-	-	(21.445.455)	-	(21.445.455)
Phân loại lại	(258.779.700)	277.379.700	-	-	(18.600.000)	-
Đánh giá lại bởi Kiểm toán Nhà nước	(138.165.103)	-	-	-	-	(138.165.103)
Số dư cuối kỳ	130.371.268.287	480.140.623.846	18.001.269.221	8.190.832.260	1.280.905.300	637.984.898.914
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	35.394.381.097	209.768.733.775	9.375.996.278	6.201.571.569	291.242.687	261.031.925.406
Khấu hao trong kỳ	4.089.506.689	21.634.742.569	794.400.513	524.497.813	110.379.533	27.153.527.117
Xóa sổ	-	-	-	(17.275.505)	-	(17.275.505)
Phân loại lại	3.100.751	(1.705.751)	-	-	(1.395.000)	-
Số dư cuối kỳ	39.486.988.537	231.401.770.593	10.170.396.791	6.708.793.877	400.227.220	288.168.177.018
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	95.373.831.993	263.069.658.209	7.456.548.034	1.736.615.237	1.008.262.613	368.644.916.086
Số dư cuối kỳ	90.884.279.750	248.738.853.253	7.830.872.430	1.482.038.383	880.678.080	349.816.721.896

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 153.423 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 149.790 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.972.589.746	1.972.589.746
Số dư cuối kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	52.348.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	19.071.297.041	2.220.099.100	21.291.396.141
Khấu hao trong kỳ	271.680.439	359.864.132	631.544.571
Số dư cuối kỳ	19.342.977.480	2.579.963.232	21.922.940.712
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.222.405.015	862.559.158	29.084.964.173
Số dư cuối kỳ	27.950.724.576	2.475.284.772	30.426.009.348

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 18.564 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 18.564 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	12.389.210.311	116.204.152.254
Tăng trong kỳ	18.221.074.521	22.646.779.093
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.300.606.162)	(58.218.249.932)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.972.589.746)	-
Số dư cuối kỳ	21.337.088.924	80.632.681.415

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	12.036.132.652	6.979.072.570
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.358.392.498	5.139.017.479
Chi phí phục hồi và nâng cấp	942.563.774	271.120.262
	21.337.088.924	12.389.210.311

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.747.806.078	124.351.071	4.872.157.149
Tăng trong kỳ	1.697.742.340	217.926.000	1.915.668.340
Phân bổ trong kỳ	(2.226.034.878)	(125.280.743)	(2.351.315.621)
Số dư cuối kỳ	4.219.513.540	216.996.328	4.436.509.868

13. Đầu tư vào công ty con

Chi tiết công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 6 tháng 12 năm 2010.	60%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, nhà đầu tư còn lại, đã góp đủ phần vốn của họ 2,4 tỷ VND vào công ty con này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí phải trả	438.032.425	438.032.425
Dự phòng bảo hành	2.045.258.907	2.045.258.907
Dự phòng giám giá hàng tồn kho	116.787.795	116.787.795
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(46.415.450)	(46.415.450)
	2.553.663.677	2.553.663.677

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	244.886.378.284	292.690.478.278

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	4,50% - 5,00%	-	24.243.963.719
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	6,00% - 6,50%	147.670.679.428	-
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	3,00% - 3,50%	21.563.019.209	146.049.406.255
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	USD	4,50% - 5,20%	-	21.345.170.562
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	6,50% - 6,80%	17.852.880.131	-
Ngân TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,00% - 6,50%	-	45.808.641.744
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,30%	17.671.223.516	55.243.295.998
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	7,20% - 7,50%	9.340.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	USD	4,60%	30.788.576.000	-
			244.886.378.284	292.690.478.278

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

16. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.654.352.933	8.518.173.358
Thuế thu nhập cá nhân	380.455.387	457.082.239
Thuế giá trị gia tăng	229.603.043	1.059.763.339
Các loại thuế khác	1.074.560	1.229.960
	7.265.485.923	10.036.248.896

17. Chi phí phải trả

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hoa hồng phải trả đại lý	24.654.168.252	25.651.630.874
Chi phí lãi vay	614.851.873	468.358.037
Chi phí phải trả khác	2.195.521.793	1.283.771.662
	27.464.541.918	27.403.760.573

18. Phải trả khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	3.326.804.601	2.915.610.111
Bảo hiểm xã hội	268.594.590	89.108.965
Cổ tức phải trả	6.936.460.440	18.638.431.700
Phải trả khác	31.086.058	478.465.819
	10.562.945.689	22.121.616.595

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Dự phòng bảo hành

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu kỳ	8.181.035.629
Dự phòng lập trong kỳ	608.840.124
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>8.789.875.753</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	129.555.193.923	549.701.026.426
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	27.081.263.633	27.081.263.633
Cổ tức	-	-	-	-	-	(37.276.924.035)	(37.276.924.035)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	119.359.533.521	539.505.366.024
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	37.067.850.951	37.067.850.951
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.939.435.865)	(39.939.435.865)
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.638.431.700)	(18.638.431.700)
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	(21.301.004.165)	(21.301.004.165)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.207.455.729	1.825.945.770	(5.033.401.499)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.414.911.458)	(6.414.911.458)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.039.635.650	530.218.869.652
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	30.176.189.520	30.176.189.520
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(52.000.000)	-	-	-	(52.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(13.312.515.500)	(13.312.515.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	121.903.309.670	547.030.543.672

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013		Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(1.300)	(52.000.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng kỳ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.822.964.682	1.622.124.595
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.467.776.032	2.111.512.067
Doanh thu hoạt động tài chính khác	323.521.000	9.760
	6.614.261.714	3.733.646.422

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	7.763.617.048	14.609.827.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.949.294.772	2.620.845.126
Chi phí tài chính khác	-	593.081.639
	13.712.911.820	17.823.754.447

26. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Bán phế liệu	291.204.292	324.497.143
Thu nhập khác	19.324.000	15.676.162
	310.528.292	340.173.305

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.320.252.514	9.010.400.932
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(45.284.253)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận kỳ trước	-	(1.065.908.644)
	-	(1.111.192.897)
Chi phí thuế thu nhập	10.320.252.514	7.899.208.035

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	40.496.442.034	34.980.471.668
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.124.110.509	8.745.117.917
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận kỳ trước	-	(1.065.908.644)
Chi phí không được khấu trừ thuế	196.142.005	219.998.762
	10.320.252.514	7.899.208.035

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2005) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

28. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 30.176.189.520 VND (2012: 27.081.263.633 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.143 (2012: 26.626.331), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	30.176.189.520	27.081.263.633

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.626.331	26.626.331
Mua cổ phiếu quỹ	(1.188)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6	26.625.143	26.626.331

29. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 2 tháng 5 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 13.313 triệu VND (500 VND trên mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng không và có kỳ hạn	(ii)	221.450.663.380	127.915.998.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	143.260.810.281	153.906.410.802
		<hr/>	<hr/>
		364.711.473.661	281.822.409.264

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND
Trong hạn	110.565.195.147	-	78.414.491.917	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	25.823.854.435	-	68.452.385.551	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5.853.748.088	-	7.002.794.751	-
Quá hạn trên 180 ngày	3.484.309.902	(2.466.297.291)	1.917.615.519	(1.880.876.936)
	145.727.107.572	(2.466.297.291)	155.787.287.738	(1.880.876.936)

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	1.880.876.936	2.085.498.206
Tăng dự phòng trong kỳ	585.420.355	-
Hoàn nhập	-	(107.193.290)
Số dư cuối kỳ	2.466.297.291	1.978.304.916

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	440.663.464.805	440.663.464.805	440.663.464.805	-
Vay ngắn hạn	244.886.378.284	247.853.631.144	247.853.631.144	-
Phải trả dài hạn khác	523.000.000	523.000.000	-	523.000.000
	686.072.843.089	689.040.095.949	688.517.095.949	523.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	295.466.303.298	295.466.303.298	295.466.303.298	-
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	295.364.742.321	295.364.742.321	-
Phải trả dài hạn khác	523.000.000	523.000.000	-	523.000.000
	588.679.781.576	591.354.045.619	590.831.045.619	523.000.000

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(i) Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Công ty (VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	389.594	232.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.344.980	1.420.295
Phải trả người bán và phải trả khác	(11.195.353)	(4.496.388)
Vay ngắn hạn	(3.311.398)	(14.067.289)
	<hr/>	<hr/>
	(12.772.177)	(16.910.818)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
USD	21.146	20.810

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2013	
USD (mạnh thêm 1,61%)	(3.270.556.171)
	<hr/>
31/12/2012	
USD (yếu đi 1,07%)	2.828.334.339
	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	68.450.663.380	29.915.998.462
Các khoản tương đương tiền	95.000.000.000	53.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	58.000.000.000	45.000.000.000
	221.450.663.380	127.915.998.462
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(244.886.378.284)	(292.690.478.278)

Việc tăng 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm 388 triệu VND (2012: 420 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) *Giá trị hợp lý*

(i) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán theo từng loại nêu trong Thuyết minh 3(m) như sau. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	221.450.663.380	127.915.998.462
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.260.810.281	153.906.410.802
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(440.663.464.805)	(295.466.303.298)
- Vay	(244.886.378.284)	(292.690.478.278)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Các bên liên quan	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Ký quỹ	10.000.000.000	-
Lãi tiền gửi	97.916.667	-
Mua vật liệu	9.732.637.538	2.460.379.240
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Thu nhập	2.261.285.786	2.381.034.885

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	27.543.503.678	4.931.470.486

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	2.160.414.000	1.904.090.000
Trong vòng hai đến năm năm	2.124.600.000	3.897.104.000
Sau năm năm	-	669.730.000
	4.285.014.000	6.470.924.000

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	615.749.504.594	451.269.029.095
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	79.137.390.679	74.676.931.787
Chi phí khấu hao	27.785.071.688	23.617.069.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.298.779.851	48.666.098.967
Chi phí khác	99.132.834.722	69.298.361.437

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

